

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2019/HS-PT
Ngày 16-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Thẩm phán: Ông **Phan Văn Thuận**

Ông **Nguyễn Thành Quang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Quàng** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Nghĩa Biên** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Lương Trung H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lương Trung H, sinh năm 1977, tại TP. Hồ Chí Minh;

Nơi ĐKTT: Tổ 1, ấp R, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú hiện tại: Số 83, đường Hoàng Văn T, khu phố N, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T và bà Bùi Thị T; vợ tên: Trần Thị Việt N; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không;

(Bị cáo được tại ngoại cho đến nay)

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo: Luật sư **Phạm Anh V** – Văn phòng luật sư Anh Vũ, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

(Ngoài ra, trong vụ án còn có Trần Văn S, Đỗ Ngọc D không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/7/2009, Ủy ban nhân dân huyện P công bố quyết định quy hoạch dự án Khu phức hợp V để tiến hành đo đạc, bồi thường giải tỏa. Năm 2014, Trần Văn S - cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P đến gặp ông Nguyễn Thành Đ mua lại thửa đất diện tích 61,06m² nằm trong khu quy hoạch dự án tại tổ 9 ấp S, xã D, huyện P trên đất có 01 căn nhà tạm 32m² nhưng chưa trả tiền. Về hình thức Trần Văn S yêu cầu ông Đ viết giấy tặng cho S nhưng để anh ruột S là Trần Văn H đứng tên, mục đích để được Nhà nước bồi thường và xét cấp đất tái định cư, còn sau này tiền bồi thường về đất, nhà tạm và các khoản hỗ trợ khác sẽ trả cho ông Đ.

Tháng 5/2016, Trần Văn S đến nhà gặp ông Nguyễn Phi S hỏi mượn thửa đất diện tích 6.954,93m² nằm trong khu quy hoạch dự án để xây dựng hàng rào lưới B40, mục đích để được bồi thường vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất; hai bên thỏa thuận khi được bồi thường Trần Văn S sẽ cho Nguyễn Phi S 200 triệu đồng. Để thực hiện được các việc trên phải có người đứng tên trong phương án bồi thường nên tháng 02/2016 Trần Văn S tìm gặp Lương Trung H bàn bạc và rủ H hùn tiền xây dựng hàng rào lưới B40 trên đất mượn của Nguyễn Phi S, sẽ lời nhiều khi được Nhà nước bồi thường và cho H đứng tên trong phương án bồi thường, còn việc thuê người xây dựng hàng rào và quy cách xây dựng do S đứng ra thực hiện, H đồng ý và hùn số tiền 250 triệu đồng. Tháng 5/2016, Trần Văn S thuê Tôn T xây dựng hàng rào lưới B40 trên đất mượn của Nguyễn Phi S với diện tích 2.148,3m² với giá 123.000đ/m², thành tiền là 264.240.900đồng. Quá trình xây dựng hàng rào biết việc làm này có lời nên Tôn T đến gặp Phù Tường B (con rể Nguyễn Phi S) xin xây hàng rào nối tiếp phần hàng rào của Trần Văn S thêm là 832,04m², do đó tổng diện tích hàng rào là 2.980,34m².

Ngày 01/6/2016, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang phân công Đỗ Ngọc D (kỹ thuật viên) tiến hành đo đạc, kiểm kê đất đai, cây trồng, vật kiến trúc của các hộ nằm trong khu quy hoạch dự án, trong đó có thửa đất Trần Văn S mua của Nguyễn Thành Đ và thửa đất của Nguyễn Phi S (02 thửa đất cách nhau khoảng 600m). Lúc này, Trần Văn S đang là Tổ trưởng tổ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án. Quá trình đo

đặc kiểm kê, Trần Văn S bàn bạc với Đỗ Ngọc D đưa phương án bồi thường vật kiến trúc là hàng rào lưới B40 có diện tích 2.980,34m² mà Trần Văn S và Tôn T (riêng T không biết việc bàn bạc giữa S và D) xây dựng trên đất của Nguyễn Phi S chuyển sang vị trí thửa đất 61,06m², tường rào lưới B40 diện tích 2.980,34m², nhà tạm 32m².

Sau đó, qua quá trình thẩm định ngoại nghiệp, thẩm định nội nghiệp và thẩm định phương án bồi thường đối với phương án mang tên Lương Trung H thì cơ quan chuyên môn không phát hiện diện tích đất 61,06m² nhưng hàng rào trên đất có diện tích đến 2.980,34m², từ đó thống nhất phương án bồi thường đối với phương án mang tên Lương Trung H trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án. Ngày 28/7/2017, Ủy ban nhân dân huyện P có quyết định chi trả tiền bồi thường đất và vật kiến trúc trên đất đối với hộ Lương Trung H số tiền 3.212.559.300 đồng bao gồm: vật kiến trúc được bồi thường 3.152.106.600 đồng (tường rào lưới B40 diện tích 2.980,34m² bồi thường 3.105.049.600 đồng, nhà tạm 32m² bồi thường 47.057.000 đồng); còn lại 60.452.700 đồng bồi thường đất diện tích 61,06m², hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm việc làm, ổn định đời sống và di dời. H trực tiếp đến nhận tiền bồi thường và sau đó được Trần Văn S chia 1.080.000.000 đồng, số tiền còn lại H mang đến Ngân hàng Sacombank đưa lại cho Liễu Nguyệt H (vợ Trần Văn S) chuyển vào tài khoản của H, sau đó Trần Văn S lấy tiền đưa cho H trực tiếp đi trả cho Nguyễn Phi S 200.000.000 đồng, trả cho Nguyễn Thành Đ 76.000.000 đồng và Trần Văn S đưa cho Tôn T 240.000.000 đồng.

Sau khi vụ án xảy ra, Liễu Nguyệt H đã giao nộp lại số tiền 1.400.000.000đ, Lương Trung H đã giao nộp lại số tiền 1.080.000.000 đồng và Tôn T giao nộp 210.000.000 đồng.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Trung H phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 356, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lương Trung H 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Bản án còn tuyên phạt bị cáo Trần Văn S 05 năm tù, Đỗ Ngọc D 02 năm 06 tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, hình phạt bổ sung cấm Trần Văn S, Đỗ Ngọc D mỗi bị cáo đảm nhiệm chức vụ 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, bị cáo Lương Trung H kháng cáo với nội dung xét lại bản án sơ thẩm, hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo rút lại một phần kháng cáo và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Trong vụ án này hành vi phạm tội của bị cáo không đáng kể, số tiền bị cáo S tự đưa cho bị cáo Hiếu không có bản bạc gì với nhau, sau khi phạm tội bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền, bị cáo có cha mẹ là người có công với cách mạng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Từ căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo về xin hưởng án treo, giữ nguyên mức hình phạt 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng.

Đối với phần kháng cáo về tội danh bị cáo tự nguyện rút phần kháng cáo này đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm luật sư Phạm Anh V bào chữa cho bị cáo: Thông nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo đã đúng quy định về quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm:

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang công bố quy hoạch dự án Khu phức hợp V tại xã D và thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Tháng 6/2016, Trần Văn S là Tổ trưởng Tổ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, Trần Văn S đã bàn bạc với Đỗ Ngọc D (cán bộ đo đạc thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Kiên Giang) và Lương Trung H, cố tình thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để Lương Trung H đứng ra nhận và gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 3.212.559.300 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo Lương Trung H cùng đồng phạm bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Lương Trung H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản của nhà nước mà còn trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, nhà nước, làm giảm uy tín, lòng tin của nhân dân đối Đảng và nhà nước. Bản thân bị cáo Lương Trung H là người trưởng thành, nhận thức được việc cấu kết thực hiện cùng đồng phạm để trục lợi tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không đúng quy định pháp luật, nhưng vì nhẹ dạ, tin tưởng Nguyễn Phi S mà bị cáo bị lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của nhà nước. Do đó, với tính chất, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra cần tuyên cho bị cáo mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm nhưng vai trò đồng phạm của bị cáo không đáng kể trong vụ án, sau khi phạm tội bị cáo nộp lại số tiền cho nhà nước, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có cha mẹ là người có công với cách mạng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, như vậy bị cáo có 4 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ nghiêm, không gây nguy hiểm, ảnh hưởng xấu đến xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên

mức hình phạt 18 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Trung H.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 356, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lương Trung H 18 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo** về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời gian thử thách 36 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 16/5/2019).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo không phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Vụ Giám đốc kiểm tra I (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND;THA;VKSND H. Phú Quốc(3);
- CQCSĐT H. Phú Quốc (1);
- Bị cáo kháng cáo (5);
- Người bào chữa (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Tòa Hình sự (5);

Cao Quốc Chiến